Văn phòng Sở Y tế Thái Nguyên
Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Thái Nguyên

BÁO CÁO KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2025

Thời điểm kiểm kê: ..... giờ ..... ngày tháng năm 2026

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/bà: Nguyễn Tiến Dũng — Chức vụ: Giám đốc — Đại diện: Trưởng ban
- Ông/bà: Quách Thị Bích Phượng — Chức vụ: Phó Giám đốc, Phụ trách phòng TCHC — Đại diện: Phó trưởng ban
- Ông/bà: Hà Thị Bùi Hảo — Chức vụ: Kế toán trưởng — Đại diện: Thành viên
- Ông/bà: Bùi Đình Hạnh — Chức vụ: Phó trưởng phòng TCHC — Đại diện: Thành viên
- Ông/bà: Ngô Thị Hải Yến — Chức vụ: Kế toán — Đại diện: Thành viên

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
1	Bàn ghế Đài loan BGh.2		2009	PGĐ003	1	16 500 000		1					
2	Bàn ghế Đài loan MS2011	Đài Loan	2007	PTT004	1	10 055 000		1					
3	bàn họp giao ban	Viết Nam	2020	T55016015-458	1	15 950 000	3 987 500	1	3 987 500				
4	bàn họp giao ban	Viết Nam	2020	T55016016-458	1	15 950 000	3 987 500	1	3 987 500				
5	Bàn họp hội trường		2016	HT09	1	17 000 000		1					
6	Bàn họp quây (dùng cho 20 người)	Việt Nam	2025	T55016165486	1	17 925 000	15 684 375	1	15 684 375				
7	Bàn họp quây (dùng cho 40 người)	Việt Nam	2025	T55016165485	1	57 088 000	49 952 000	1	49 952 000				
8	Bảng điện tử		2016	T55016166	1	28 158 000		1					
9	Bảng thông báo điện tử Tivi Sony 4K 65 inch	Việt Nam	2023	T55016202	1	16 890 000	6 756 000	1	6 756 000				
10	Bộ Case máy tính	Trung Quốc	2019	T55016011-444	1	10 100 000		1					
11	Bộ Case máy tính	Trung Quốc	2019	T55016012-445	1	10 100 000		1					
12	Bộ Case máy tính	Trung Quốc	2019	T55016013-446	1	10 100 000		1					

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
13	Bộ Case máy tính Đông Nam á - MVT 53	Trung Quốc	2015	KHTH001	1	10 695 000		1					
14	Bộ cây máy vi tính đồng bộ	Trung Quốc	2020	T55016015-453	1	12 000 000		1					
15	Bộ chữ "BỆNH VIỆN SỨC KHOẺ TÂM THẦN THÁI	Việt Nam	2025	T55016165487	1	53 352 000	46 683 000	1	46 683 000				
16	Bộ lưu điện Santak- Mã hàng C1KS-LCD	Trung Quốc	2025	T55016162-485	1	14 986 000	13 112 750	1	13 112 750				
17	Bộ máy đồng bộ để bàn Dell	Trung Quốc	2022	T55016146-485	1	14 800 000	2 960 000	1	2 960 000				
18	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016004-437	1	12 500 000		1					
19	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016005-438	1	12 500 000		1					
20	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016006-439	1	12 500 000		1					
21	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016007-440	1	12 500 000		1					
22	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016008-441	1	12 500 000		1					
23	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016009-442	1	12 500 000		1					
24	Bộ máy tính (màn hình HP Compap)	Trung Quốc	2019	T55016010-443	1	12 500 000		1					
25	Bộ máy tính để bàn Dell INS3910 Mti3 Main Giga	Trung Quốc	2023	T55016042-485	1	13 950 000	5 580 000	1	5 580 000				
26	Bộ máy tính để bàn Dell Vostro	Trung quốc	2021	T55016020-484	1	14 800 000		1					
27	Bộ máy tính để bàn Main Giga H410	Trung Quốc	2023	T55016047-485	1	13 950 000	5 580 000	1	5 580 000				
28	Bộ máy tính để bàn Main Giga H410	Trung Quốc	2023	T55016039-485	1	12 950 000	5 180 000	1	5 180 000				
29	Bộ máy tính để bàn Main Giga H410	Trung Quốc	2023	T55016040-485	1	12 950 000	5 180 000	1	5 180 000				
30	Bộ máy tính đồng bộ để bàn Dell	Trung Quốc	2022	T55016028-485	1	14 800 000	2 960 000	1	2 960 000				
31	Bộ máy tính Đông Nam Á	Trung quốc	2021	T55016019-470	1	11 200 000		1					
32	Bộ máy tính Đông Nam Á	Trung Quốc	2021	T55016153-485	1	11 200 000		1					
33	Bộ máy tính Đông Nam Á	Trung quốc	2021	T55016019-469	1	11 200 000		1					

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
34	Bộ máy vi tính đồng bộ Dell	Trung quốc	2018	T55016004-426	1	13 400 000		1					
35	Bộ máy vi tính đồng bộ Dell	Trung Quốc	2020	T55016016-459	1	14 500 000		1					
36	Bộ máy vi tính đồng bộ Dell	Trung Quốc	2020	T55016015-455	1	14 500 000		1					
37	Bộ máy vi tính đồng bộ Dell Vostro 3470	Trung Quốc	2019	T55016014-447	1	14 600 000		1					
38	Bộ máy vi tính Đông Nam Á	Trung Quốc	2020	T55016145-485	1	12 700 000		1					
39	Bộ máy vi tính Đông Nam á - MVT 49	Trung Quốc	2015	PHOGĐ002	1	12 750 000		1					
40	Bộ máy vi tính Đông Nam á - MVT 50	Trung Quốc	2015	PTT001	1	12 750 000		1					
41	Bục hội trường		2012	HT10	1	23 500 000		1					
42	Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật		2011	TS007	1	7 201 056 767		1					
43	Case máy tính Dell Vostro 3910MT i5 12400	Trung Quốc	2023	T55016180	1	16 990 000	6 796 000	1	6 796 000				
44	Case máy tính để bàn Dell INS3910 Mti3	Trung Quốc	2023	T55016181	1	15 590 000	6 236 000	1	6 236 000				
45	Đất bệnh viện tâm thần		2005	TS001	1	66 753 999 480	66 753 999 480	1	66 753 999 480				
46	Điều hòa Casper 28.000BTU 1 chiều	Thái Lan	2020	T55016015-457	1	19 150 000	4 787 500	1	4 787 500				
47	Điều hòa Funiki 1800BTU - ĐH 14		2015	TS015	1	13 228 600		1					
48	Điều hòa nhiệt độ Casper 12.000 BTU	Thái Lan	2017	TCKT004	1	10 685 000		1					
49	Điều hòa nhiệt độ Casper 12000 BTU		2017	T55016167	1	10 685 000		1					
50	Điều hòa nhiệt độ Casper 24.000 BTU		2017	HT06	1	25 740 000		1					
51	Điều hòa nhiệt độ Casper 24.000 BTU		2017	HT07	1	25 740 000		1					
52	Điều hòa nhiệt độ Casper 24.000 BTU		2017	HT08	1	25 740 000		1					
53	Điều hòa nhiệt độ Casper 24000 BTU		2017	T55016168	1	25 740 000		1					
54	Điều hòa nhiệt độ Funiki 12000BTU- ĐHNĐ.11	Việt Nam	2015	T55016169	1	10 368 600		1					

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
55	Điều hòa nhiệt độ Funiki 18000 BTU ĐH.12		2015	T55016170	1	13 228 600		1					
56	Điều hóa nhiệt độ Funiki 18000BTU ĐH 16.	Việt Nam	2016	KNU004	1	12 993 500		1					
57	Điều hóa nhiệt độ Funiki 18000BTU ĐH 17.	Việt Nam	2016	KN003	1	12 993 500		1					
58	Điều hòa nhiệt độ Funiki 18000BTU- ĐHNĐ.13	Việt Nam	2015	KTREEM04	1	13 228 600		1					
59	Điều hòa nhiệt độ Funiki SBC-18 ĐHNĐ.5	Hàn Quốc	2013	KNU003	1	10 398 000		1					
60	Điều hòa nhiệt độ Funiki SBC-18 ĐHNĐ.8	Nhật Bản	2013	KTREEM05	1	10 398 000		1					
61	Điều hòa nhiệt độ Samsung AQ18 ĐHNĐ.10	Việt Nam	2014	KD003	1	16 825 000		1					
62	Điều hoà nhiệt độ tủ đứng Nagakawa 1chiều 28000BTU	Malaysia	2021	T55016019-484	1	19 070 000	7 151 250	1	7 151 250				
63	Điều hoà Samikura 18000BTU	Ma-lai-xi-a	2022	T55016026-485	1	12 419 000	6 209 500	1	6 209 500				
64	Giường cấp cứu TB -2002 (GCC.1)	Hàn Quốc	2012	KN010	1	94 274 500		1					
65	Giường cấp cứu TB-2002 (GCC.2)	Hàn Quốc	2012	PK004	1	94 274 500		1					
66	Hệ thống âm thanh hội trường (Bộ tăng âm điện + Thiết bị xử lý tín hiệu âm thanh)	Trung Quốc	2025	T55016165491	1	34 150 000	27 320 000	1	27 320 000				
67	Hệ thống âm thanh loa đài hội trường (Loa M-18 02 cái,L12S 04 cái,Bộ tăng âm LS-46 và SL-27,Bộ trộn âm thanh)	Trung Quốc	2024	T55016171	1	143 425 000	86 055 000	1	86 055 000				
68	Hệ thống Camera giám sát		2015	T55016172	1	72 840 000		1					
69	Hệ thống chống sét lan truyền	Trung Quốc	2014	T55016173	1	262 300 000		1					
70	Hệ thống lọc nước uống		2020	T55016015-456	1	97 990 000		1					
71	Hệ thống lưu trữ tập trung (SAN) Dell ME5024	Ma-lai-xi-a	2023	T55016206	1	511 000 000	204 400 000	1	204 400 000				
72	Hệ thống mạng lan	Việt Nam	2024	T55016089-485	1	125 182 000	75 109 200	1	75 109 200				

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
73	Hệ thống máy chủ thiết bị mạng		2014	T55016098-485	1	861 330 000		1					
74	Hệ thống xử lý nước thải		2012	TS022	1	4 620 031 000		1					
75	Kính hiển vi hai mắt BM100		2012	KCLS022	1	26 701 000		1					
76	Kiosk thông minh Kios 2283	Việt Nam	2025	T55016160-485	1	72 600 000	63 525 000	1	63 525 000				
77	Màn chiếu điện treo tường DA-Lite 120x120 MCH.1	Trung Quốc	2012	TTT001	1	10 372 000		1					
78	Màn chiếu điện treo tường DA-Liter120x120 MCH.2		2012	HT01	1	10 372 000		1					
79	Màn hình hiển thị sổ xếp hàng Tivi Sony 4K 65 inch	Việt Nam	2023	T55016203	1	16 890 000	6 756 000	1	6 756 000				
80	Màn hình Led (HT nhà A1)	Trung Quốc	2025	T55016165490	1	103 895 155	83 116 124	1	83 116 124				
81	Màn hình LED cố định loại trong nhà	Trung Quốc	2024	T55016174	1	102 500 000	61 500 000	1	61 500 000				
82	Máy ảnh KTS Pentax K70 DA18-55	Phi-lip-pin	2023	T55016204	1	20 460 000	8 184 000	1	8 184 000				
83	Máy ảnh KTS Pentax K70 DA60-250	Phi-lip-pin	2023	T55016205	1	29 040 000	11 616 000	1	11 616 000				
84	Máy bơm nước Ly tâm 380V-7,5KW		2019	T55016175	1	13 800 000	1 725 000	1	1 725 000				
85	Máy chiếu đa năng - MC 4		2016	HT03	1	18 230 000		1					
86	Máy chủ Dell PowerEdge R750xs	Ma-lai-xi-a	2023	T55016207	1	511 000 000	204 400 000	1	204 400 000				
87	Máy chủ Dell PowerEdge R750xs	Ma-lai-xi-a	2024	T55016208	1	497 088 000	298 252 800	1	298 252 800				
88	Máy điện não vi tính	Nhật Bản	2016	KCLS033	1	957 018 000		1					
89	Máy điện tim 3 đến 6 kênh FX-7202	Nhật Bản	2012	KCLS003	1	88 318 000		1					
90	Máy giặt vắt công nghiệp >=30kg TD-38E MG2		2012	T55016096-485	1	697 814 000		1					
91	Máy giặt vắt công nghiệp >=30kg TD-38E MG3		2012	T55016097-485	1	697 814 000		1					
92	Máy hút điện SU-305 MHĐ.1	Đài Loan	2012	KN012	1	18 998 500		1					
93	Máy hút điện SU-305 MHĐ.2	Đài Loan	2012	KTREEM06	1	18 998 500		1					

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
94	Máy in màu Ep Son- LQ310		2019	T55016176	1	10 500 000		1					
95	Máy li tâm đa năng >4000 vòng/phút C-60	Italia	2012	KCLS008	1	39 538 000		1					
96	Máy lưu huyết	Đức	2018	T55016004-434	1	673 076 000		1					
97	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số (ABX	Nhật Bản	2017	KCLS023	1	359 668 000		1					
98	Máy phân tích nước tiểu bán tự động (HTI CL-500)	Mỹ	2019	T55016015-451	1	211 400 000	31 710 000	1	31 710 000				
99	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số UA66	Trung Quốc	2012	KCLS010	1	17 314 000		1					
100	Máy phát điện 3 pha 55KVA. Model: V55B5	Việt Nam	2025	T55016164-485	1	251 640 000	220 185 000	1	220 185 000				
101	Máy phát điện dự phòng 50KVA.GEH60		2012	T55016177	1	214 120 000		1					
102	Máy pho to copy Afico MP 2591		2012	T55016178	1	59 563 000		1					
103	Máy Photocopy Fuji Xerox S2320		2016	T55016179	1	41 400 000		1					
104	Máy photocopy Ricoh IM2702	Trung Quốc	2025	T55016165	1	65 880 000	52 704 000	1	52 704 000				
105	Máy sấy đồ vải .=30Kg TD-38E	Pháp	2012	PYTDD003	1	425 775 000		1					
106	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò kèm máy in có xe đẩy	Mỹ	2012	KCLS006	1	397 190 600		1					
107	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò	Nhật Bản	2012	KCLS012	1	408 214 000		1					
108	Máy tạo Oxy di động 5 lít/phút	Mỹ	2012	KTREEM17	1	31 322 000		1					
109	Máy tạo oxy di động 5lít/phút Mart 5 Nuvo lite MOX.3	Mỹ	2012	PK006	1	31 322 000		1					
110	Máy tính bảng IpadGen10	Trung Quốc	2025	T55016158-485	1	14 450 000	11 560 000	1	11 560 000				
111	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016183	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
112	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016184	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
113	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016185	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
114	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016187	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
115	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016188	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
116	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016190	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
117	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016198	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
118	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016199	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
119	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016200	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
120	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016201	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
121	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016194	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
122	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016195	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
123	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016196	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
124	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016197	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
125	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016189	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
126	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016191	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
127	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016192	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
128	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016193	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
129	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016182	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
130	Máy tính chuyên dùng PC Asus PN64-B-S5195MV	Trung Quốc	2023	T55016186	1	18 750 000	7 500 000	1	7 500 000				
131	Máy tính để bàn Dell INS 3030	Ma-lai-xi-a	2025	T55016157-485	1	16 900 000	13 520 000	1	13 520 000				
132	Máy tính để bàn Dell INS 3030	Ma-lai-xi-a	2025	T55016154-485	1	16 900 000	13 520 000	1	13 520 000				
133	Máy tính để bàn Dell INS 3030	Ma-lai-xi-a	2025	T55016155-485	1	16 900 000	13 520 000	1	13 520 000				
134	Máy tính để bàn Dell INS 3030	Ma-lai-xi-a	2025	T55016156-485	1	16 900 000	13 520 000	1	13 520 000				
135	Máy tính để bàn Dell Vostro 3888	Trung Quốc	2022	T55016029-485	1	14 950 000	2 990 000	1	2 990 000				

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
136	Máy tính để bàn Dell Vostro 3888	Trung Quốc	2022	T55016030-485	1	14 950 000	2 990 000	1	2 990 000				
137	Máy tính xách tay Dell - MVT 52		2015	TS011	1	17 700 000		1					
138	Máy tính xách tay Lenovo V15G3	Trung Quốc	2023	T55016048-485	1	14 650 000	5 860 000	1	5 860 000				
139	Máy tọa Oxy di động 5 lít/phút Mart 5 Nuvo Lite	Mỹ	2012	KN009	1	31 322 000		1					
140	Máy tọa Oxy di động 5 lít/phút	Mỹ	2012	KNU005	1	31 322 000		1					
141	Máy vi tính Đông Nam Á - MVT.45	Trung Quốc	2014	T55016144-485	1	12 728 000		1					
142	Máy vi tính Đông Nam á - MVT.47	Trung Quốc	2014	PK001	1	12 728 000		1					
143	Máy vi tính Đông Nam Á - MVT.48	Trung Quốc	2014	T55016143-485	1	12 730 000		1					
144	Máy vi tính xách tay Asus X53SV Corei7 MVT.38	Việt Nam	2013	TCKT002	1	14 950 000		1					
145	Máy vi tính xách tay Dell	Trung Quốc	2021	T55016150-485	1	14 750 000		1					
146	Máy vi tính xách tay Dell	Trung Quốc	2021	T55016151-485	1	14 750 000		1					
147	Máy vi tính xách tay Dell Corei5	Trung Quốc	2020	T55016142-485	1	14 800 000		1					
148	Máy vi tính xách tay HP	Trung Quốc	2021	T55016152-485	1	14 900 000		1					
149	Máy X - Quang cao tần		2012	MXQ01	1	1 783 061 000		1					
150	Máy xét nghiệm đông máu tự động	Đức	2020	T55016016-460	1	580 411 000	162 515 080	1	162 515 080				
151	Máy xét nghiệm huyết học (XP-100)	Nhật bản	2019	T55016014-450	1	450 555 000	67 583 250	1	67 583 250				
152	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 200test/giờ (A25)	Tây Ban Nha	2016	KCLS030	1	853 000 000		1					
153	Mic hội trường (Bộ điều khiển trung tâm hệ thống, Micro chủ toạ, Micro thành viên có dây 13 cái)	Trung Quốc	2025	T55016165492	1	67 672 500	59 213 437	1	59 213 437				
154	Nhà cầu		2025	T55016214	1	2 657 936 276	2 480 651 926	1	2 480 651 926				
155	Nhà để xe cổng hàng rào, nhà thường trực cổng chính		2015	TS004	1	4 263 507 655	1 156 972 711	1	1 156 972 711				

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
156	Nhà điều hành để máy móc xử lý nước thải		2013	TS003	1	785 553 000	106 615 252	1	106 615 252				
157	Nhà điều trị bệnh nhân Nam		2011	T55016093-485	1	8 051 980 436	2 237 126 963	1	2 237 126 963				
158	Nhà điều trị bệnh nhân Nữ		2011	T55016094-485	1	8 115 921 856	2 237 293 183	1	2 237 293 183				
159	Nhà giặt		2015	KTREEM02	1	3 148 332 000	739 462 327	1	739 462 327				
160	Nhà Hợp khối Khám chữa bệnh		2024	T55016165488	1	23 030 482 000	21 050 970 566	1	21 050 970 566				
161	Nhà khoa cấp cứu và y pháp		2015	KTREEM01	1	4 835 412 000	1 135 231 026	1	1 135 231 026				
162	Nhà khoa dinh dưỡng		2015	TS006	1	2 900 129 509	300 233 870	1	300 233 870				
163	Nhà khoa hành chính và khối kỹ thuật nghiệp vụ		2015	TS002	1	13 991 006 150	7 163 843 158	1	7 163 843 158				
164	Nhà tang lễ		2025	T55016213	1	605 108 000	564 747 296	1	564 747 296				
165	Ô tô 00066		2012	TS008	1	1 522 972 000		1					
166	Phần mềm điều hành Window SRV 2002.64Bits	Trung Quốc	2023	T55016046-485	1	24 970 000	9 988 000	1	9 988 000				
167	Phần mềm kế toán Misa	Việt nam	2009	T55016004-432	1	25 000 000		1					
168	Phần mềm QL mạng tập trung, PM Giám sát mạng Paessler PRTG	Anh	2025	T55016159-485	1	62 480 000	49 984 000	1	49 984 000				
169	Phần mềm quản lý bệnh viện	Việt Nam	2014	T55016004-436	1	625 000 000		1					
170	Phần mềm quản lý cán bộ	Việt Nam	2018	T55016004-433	1	12 000 000		1					
171	Phần mềm quản lý khám chữa bệnh	Việt Nam	2022	T55016031-485	1	1 625 438 850	677 975 770	1	677 975 770				
172	Phần mềm quản lý sao lưu dữ liệu Veeam Essential	Mỹ	2024	T55016085-485	1	45 000 000	27 000 000	1	27 000 000				
173	Thiết bị chuyển mạch (core Switch) RUIJIE RG-S6150-48VS8CQ-X	Trung Quốc	2024	T55016209	1	226 600 000	135 960 000	1	135 960 000				
174	Thiết bị lưu điện 10KVA UPS Santak	Đài Loan	2023	T55016212	1	87 110 553	54 444 096	1	54 444 096				
175	Thiết bị lưu trữ dự phòng NAS	Đài Loan	2024	T55016210	1	128 700 000	77 220 000	1	77 220 000				

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước SX	Năm sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Sổ sách			Kiểm kê		Chênh lệch		Đề nghị thanh lý	Ghi chú
					Số lượng	Thành tiền	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá trị còn lại	Thừa	Thiếu		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	F	G
176	Thiết bị tường lửa Sophos	Đài Loan	2023	T55016211	1	260 000 000	104 000 000	1	104 000 000				
177	Tivi Panasonic 50x50V TV1		2013	HT04	1	20 000 000		1					
178	Tủ ấm 37-60 độ C>60 lít , IN-601	Đài Loan	2012	KTREEM11	1	33 889 000		1					
179	Tủ sấy 101-1/70L	Trung quốc	2021	T55016019-466	1	11 700 000	4 680 000	1	4 680 000				
180	Tủ sấy 250 độ C, 120 lít YCO-	Đài Loan	2012	KN011	1	28 036 000		1					
Tổng cộng:					**180**	**170 550 990 187**	**109 220 532 890**	**180**	**109 220 532 890**				

Ý kiến giải quyết số chênh lệch:.....

TỔ KIỂM KÊ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	PHỤ TRÁCH PHÒNG TCHC	TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ Giám đốc
Bùi Đình Hạnh	Hà Thị Bùi Hảo	Quách Thị Bích Phượng	Nguyễn Tiến Dũng

Ngô Thị Hải Yến